

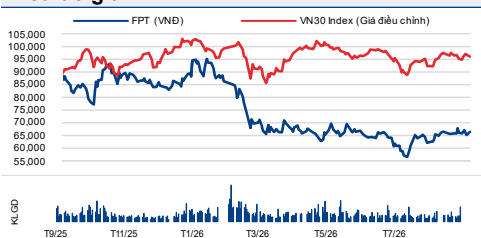
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ85,636

Tiềm năng tăng/giảm: 29.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/9/2026)	66,400
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	56,546-95,144
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	66,376
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	124,424
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,781
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,874
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.4%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	70,113	57,188	66,082
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,903	9,683	11,529
LNTT (tỷ đồng)	13,044	11,845	13,518
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,360	10,581	11,981
FCF (tỷ đồng)	5,038	(4,076)	8,612
EPS ĐC (đồng)	4,731	5,202	5,891
DPS (đồng)	1,818	1,818	2,273
BVPS (đồng)	19,469	23,384	27,002
T.trưởng EBITDA (%)	6.59	(30.4)	19.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.86	9.96	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	16.9	17.4
Tỷ suất LNTT (%)	18.6	20.7	20.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.4	18.5	18.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	38.4	34.9	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	30.9	13.7	8.84
ROAE (%)	28.3	26.4	25.4
ROACE (%)	26.2	17.6	19.2
EV/doanh thu (lần)	1.93	2.27	1.94
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.71	13.4	11.1
P/E ĐC (lần)	14.0	12.8	11.3
P/B (lần)	3.41	2.84	2.46
Lợi suất cổ tức (%)	2.74	2.74	3.42

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích**Trần Thị Thu Nga, CFA**

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Tháng 8/2026: Doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài thấp hơn kỳ vọng

- KQKD tháng 8/2026 của FPT gần như sát với kỳ vọng, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 13% và 11%. Trong mảng công nghệ, phần mảng dịch vụ CNTT nước ngoài ghi nhận doanh thu thấp hơn kỳ vọng do chậm triển khai một số dự án tại thị trường Nhật Bản, nhưng áp lực này đã được bù đắp nhờ KQKD vượt kỳ vọng từ mảng dịch vụ CNTT trong nước.
- Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 13% và 14%, qua đó hoàn thành 62% và 64% dự báo cho cả năm 2026 của HSC. Doanh thu ký kết tăng 28% so với cùng kỳ đạt 33,3 nghìn tỷ đồng.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 85.636 đồng (tiềm năng tăng giá là 29%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

KQKD tháng 8/2026 gần như sát với kỳ vọng của HSC, với doanh thu thuần đạt 4.624 tỷ đồng (+12,8% svck) và lợi nhuận thuần đạt 876 tỷ đồng (+10,6% svck). Trong mảng công nghệ, hai phần mảng dịch vụ CNTT nước ngoài và dịch vụ CNTT trong nước ghi nhận KQKD trái chiều: Chi tiết như sau:

Doanh thu thuần: Doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài thấp hơn kỳ vọng do chậm triển khai dự án tại Nhật Bản

Trong tháng 8/2026, doanh thu toàn tập đoàn đạt 4.624 tỷ đồng (+12,8% svck). Trong đó, mảng công nghệ tiếp tục đóng vai trò là trụ cột dẫn dắt tăng trưởng, với 4.140 tỷ đồng doanh thu (+15,6% svck), bù đắp cho phần sụt giảm của doanh thu mảng giáo dục và các mảng khác (đạt 484 tỷ đồng; -6,9% svck).

- Trong mảng công nghệ, doanh thu phần mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 9,4% so với cùng kỳ đạt 3.167 tỷ đồng. Động lực chính đến từ mức tăng trưởng 13,7% so với cùng kỳ của các thị trường ngoài Nhật Bản (Mỹ: 10%, Châu Á – Thái Bình Dương: 17%, EU: 31%), trong khi thị trường Nhật Bản tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng (chỉ tăng 3,9% svck đạt 1.325 tỷ đồng) do tiến độ triển khai một số dự án bị chậm tiến độ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/9.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD T8 và 8 tháng đầu năm 2026, FPT

Lợi nhuận thuần tháng 8 tăng 11% lên 876 tỷ đồng

Tỷ đồng	T8-25	T8-26	So với cùng kỳ	So với tháng trước	8T25	8T26	So với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Revenue	4,100	4,624	12.8%	2.4%	31,207	35,408	13.5%	61.9%
Công nghệ	3,580	4,140	15.6%	-0.5%	27,123	31,438	15.9%	61.3%
Toàn cầu	2,896	3,167	9.4%	-8.5%	22,437	25,529	13.8%	62.9%
Trong nước	684	973	42.3%	39.0%	4,686	5,909	26.1%	55.5%
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	520	484	-6.9%	36.3%	4,084	3,970	-2.8%	67.0%
LNTT	880	989	12.4%	4.7%	6,509	7,648	17.5%	64.6%
Công nghệ	519	573	10.4%	0.2%	3,807	4,459	17.1%	62.9%
Toàn cầu	453	472	4.2%	-8.5%	3,574	3,994	11.8%	61.3%
Trong nước	66	101	53.0%	80.4%	233	465	99.6%	81.8%
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	361	416	15.2%	11.5%	2,702	3,189	18.0%	67.0%
Lợi nhuận thuần	792	876	10.6%	5.5%	5,939	6,761	13.8%	63.8%

Nguồn: FPT, HSC

Sự chậm trễ này chủ yếu đến từ các dự án giải pháp tích hợp của bên thứ ba, do công tác đàm phán về cơ chế giá giữa FPT và các đối tác cung ứng vẫn chưa hoàn tất. Việc trì hoãn này khiến khoảng 300 tỷ đồng doanh thu chưa thể ghi nhận trong tháng 8 và dự kiến sẽ được hạch toán lùi sang giai đoạn tháng 10-11/2026.

- Trái lại, doanh thu **mảng dịch vụ CNTT trong nước** tăng 42% so với cùng kỳ lên 973 tỷ đồng, nhờ lực đẩy từ cả hai khu vực công lẫn tư nhân.

Lũy kế **8 tháng đầu năm 2026**, doanh thu toàn tập đoàn tăng 13,5% so với cùng kỳ đạt 35.408 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu mảng công nghệ tăng 15,9% so với cùng kỳ đạt 31.438 tỷ đồng, bù đắp cho mức giảm 2,8% của mảng giáo dục và các mảng khác.

Trong **phân mảng dịch vụ CNTT nước ngoài**, doanh thu tại thị trường Nhật Bản và EU tăng chậm lại, lần lượt đạt 20,8% và 35,8% so với cùng kỳ (so với mức 22% và 40% trong nửa đầu năm 2026), do chịu tác động kép từ đà giảm tốc tại Nhật Bản trong tháng 8/2026 và hiệu ứng mức nền cao của thị trường EU trong nửa cuối năm 2025. Trong khi đó, thị trường Mỹ và Châu Á – Thái Bình Dương ghi nhận sự cải thiện với mức tăng trưởng lần lượt 6,2% so với cùng kỳ và -1,7% so với cùng kỳ (so với 5,8% svck và -6,1% svck trong nửa đầu năm 2026), nhờ nhịp phục hồi tích cực tại cả hai khu vực này trong giai đoạn tháng 7-8/2026.

Doanh thu mảng AI/Phân tích dữ liệu tăng vọt 60% so với cùng kỳ đạt 2.555 tỷ đồng, đóng góp 10% tổng doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài. Trong khi đó, doanh thu ký mới tăng 28% so với cùng kỳ đạt 33,3 tỷ đồng.

LNTT: Tỷ suất LNTT mảng dịch vụ CNTT nước ngoài thu hẹp

Trong **tháng 8/2026**, LNTT toàn tập đoàn đạt 989 tỷ đồng (+12,4% svck). Trong đó, mảng công nghệ đóng vai trò là trụ cột dẫn dắt tăng trưởng, với 573 tỷ đồng (+10,4% svck), kể đến là mảng giáo dục và các mảng khác (đạt 416 tỷ đồng; +15,2% svck).

- Trong **mảng công nghệ**, LNTT của phân mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng khiêm tốn 4,2% so với cùng kỳ đạt 472 tỷ đồng. Tỷ suất LNTT của mảng này thu hẹp 0,7 điểm phần trăm xuống còn 14,9% trong tháng 8/2026 (so với mức 15,6% trong tháng 8/2025), chủ yếu do doanh thu kém hơn kỳ vọng khi một số dự án tại Nhật Bản chậm triển khai.
- Trái lại, **LNTT mảng dịch vụ CNTT trong nước** tăng mạnh 53% so với cùng kỳ đạt 101 tỷ đồng. Tỷ suất LNTT của mảng này mở rộng lên 10,4% trong tháng 8/2026 (so với mức 9,6% trong tháng 8/2025).

Duy trì k/n Mua vào, giá mục tiêu, dự báo lợi nhuận

Trong 8 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 35.408 tỷ đồng (+13,5% svck) và 6.761 tỷ đồng (+13,8% svck), hoàn thành lần lượt 61,9% và 63,8% dự báo cho cả năm 2026 của HSC. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào, giữ nguyên giá mục tiêu 85.636 đồng và dự báo lợi nhuận. Sau khi giá cổ phiếu tăng 4% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,5 lần dựa trên dự báo hiện tại, thấp hơn nhiều so với bình quân 3 năm ở mức 18,6 lần..

Bảng 2: Tỷ suất lợi nhuận của các mảng kinh doanh, FPT

Tỷ suất LNTT của mảng công nghệ mở rộng trong T8-26

	T8-25	T8-26	So với cùng kỳ (điểm %)	So với tháng trước (điểm %)	8T25	8T26	So với cùng kỳ (điểm %)
Tỷ suất LNTT	21.5%	21.4%	(0.1)	0.5	20.9%	21.6%	0.7
Công nghệ	14.5%	13.8%	(0.7)	0.1	14.0%	14.2%	0.1
- Toàn cầu	15.6%	14.9%	(0.7)	(0.0)	15.9%	15.6%	(0.3)
- Trong nước	9.6%	10.4%	0.7	2.4	5.0%	7.9%	2.9
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	69.4%	86.0%	16.5	(19.1)	66.2%	80.3%	14.2
Tỷ suất lợi nhuận thuần	19.3%	18.9%	(0.4)	0.6	19.0%	19.1%	0.1

Nguồn: FPT

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	62,849	70,113	57,188	66,082	75,685
Lợi nhuận gộp	23,698	25,889	18,431	21,353	24,392
Chi phí BH&QL	(13,190)	(14,900)	(10,109)	(11,480)	(13,037)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	393	658	2,629	2,850	3,158
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	44.6	92.0	86.7	100	115
LN TT	11,070	13,044	11,845	13,518	15,431
Chi phí thuế TNDN	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,571)	(1,856)	40.0	40.0	40.0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,857	9,376	10,596	11,999	13,609
Lợi nhuận thuần ĐC	7,849	9,360	10,581	11,981	13,589
EBITDA ĐC	13,044	13,903	9,683	11,529	13,367
EPS (đồng)	4,470	4,731	5,202	5,891	6,682
EPS ĐC (đồng)	3,905	4,731	5,202	5,891	6,682
DPS (đồng)	1,818	1,818	1,818	2,273	2,273
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,618	1,874	1,874	1,874	1,874
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,618	1,874	1,874	1,874	1,874
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,618	1,874	1,874	1,874	1,874

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Đầu tư ngắn hạn	21,785	29,631	20,703	24,844	29,812
Phải thu khách hàng	11,382	14,402	14,005	16,183	18,534
Hàng tồn kho	1,857	2,194	1,716	1,982	2,271
Các tài sản ngắn hạn khác	1,197	1,389	1,144	1,322	1,514
Tổng tài sản ngắn hạn	45,536	58,137	47,041	57,489	68,951
TSCĐ hữu hình	15,334	16,964	11,515	12,039	12,489
TSCĐ vô hình	2,040	1,928	1,432	1,360	1,237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,037	1,157	948	713	450
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,281	3,581	9,176	9,635	10,117
Tài sản dài hạn khác	5,772	6,374	3,290	3,236	3,379
Tổng tài sản dài hạn	26,464	30,005	26,361	26,982	27,671
Tổng cộng tài sản	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
Nợ ngắn hạn	14,446	19,170	13,153	15,199	16,651
Phải trả người bán	4,424	3,837	1,906	2,203	2,523
Nợ ngắn hạn khác	13,105	15,584	8,539	9,868	11,302
Tổng nợ ngắn hạn	34,836	41,525	25,505	29,472	32,998
Nợ dài hạn	501	1,904	1,700	1,700	1,700
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	357	258	284	312	343
Nợ dài hạn khác	315	302	278	321	368
Tổng nợ dài hạn	1,173	2,463	2,261	2,333	2,411
Tổng nợ phải trả	36,272	44,394	28,213	32,296	35,949
Vốn chủ sở hữu	29,794	36,483	43,818	50,598	58,860
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	1,372	1,577	1,814
Tổng vốn chủ sở hữu	35,728	43,748	45,189	52,175	60,674
Tổng nợ phải trả và VCSH	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
BVPS (đ)	18,412	19,469	23,384	27,002	31,411
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,632	10,551	5,379	3,740	1,531

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Khấu hao	(2,535)	(2,914)	(1,361)	(1,656)	(2,012)
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Thuế TNDN đã nộp	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,249)	(2,734)	(1,774)	(1,916)
Khác	(125)	(2,011)	(25,169)	1,829	1,676
LCT thuần từ HKKD	11,704	10,136	(18,702)	10,718	12,069
Đầu tư TS dài hạn	(3,275)	(5,098)	14,626	(2,106)	(2,338)
Góp vốn & đầu tư	(43,063)	(57,723)	3,333	(4,599)	(5,450)
Thanh lý	36,346	49,196	0	0	0
Khác	1,530	2,001	1,811	1,885	2,189
LCT thuần từ HĐĐT	(8,462)	(11,625)	19,770	(4,821)	(5,600)
Cổ tức trả cho CSH	(3,292)	(4,574)	(3,407)	(4,259)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	163	1,196	0	0	0
Tăng/giảm nợ	933	6,180	1,290	2,046	1,452
Khác	(2,31)	(0.99)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(2,198)	2,801	(2,117)	(2,213)	(2,807)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,279	9,315	10,522	9,474	13,159
LCT thuần trong kỳ	1,044	1,313	(1,048)	3,685	3,662
Ảnh hưởng của tỷ giá	(7.92)	(106)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Dòng tiền tự do	8,428	5,038	(4,076)	8,612	9,730

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	37.7	36.9	32.2	32.3	32.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	19.8	16.9	17.4	17.7
Tỷ suất LNT (%)	12.5	13.4	18.5	18.2	18.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	13.9	10.9	11.5	12.1
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	(18.4)	15.6	14.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	21.5	6.59	(30.4)	19.1	15.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	19.2	13.0	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS (%)	5.47	5.86	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.9	21.2	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.7	38.4	34.9	38.6	34.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	28.3	26.4	25.4	24.9
ROACE (%)	31.0	26.2	17.6	19.2	19.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.88	0.71	0.84	0.84
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.11	0.92	(2.25)	1.09	1.06
Số ngày tồn kho	17.3	18.1	16.2	16.2	16.2
Số ngày phải thu	106	119	132	132	132
Số ngày phải trả	41.2	31.7	18.0	18.0	18.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.8	30.9	13.7	8.84	4.03
Nợ/tài sản (%)	21.5	24.7	21.1	20.9	19.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.19	1.57	1.60	1.53	1.44
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.40	1.84	1.95	2.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.80	1.93	2.27	1.94	1.66
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.67	9.71	13.4	11.1	9.42
P/E (lần)	14.9	14.0	12.8	11.3	9.94
P/E ĐC (lần)	17.0	14.0	12.8	11.3	9.94
P/B (lần)	3.61	3.41	2.84	2.46	2.11
Lợi suất cổ tức (%)	2.74	2.74	2.74	3.42	3.42

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn